

Số: 15/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 06/TTr-SKHCN ngày 01/02/2016; Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 22/BC-STP ngày 29/01/2016 của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định phạm vi, đối tượng, nguyên tắc áp dụng và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, như sau:

**1. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc áp dụng:**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Định mức quy định này là mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, mức chi tối đa không quá 80% các mức chi theo quy định này.

Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN căn cứ vào tính chất, nội dung nhiệm vụ KH&CN và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi cho phù hợp.

**2. Các định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN:**

a) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hstcn \times Snc \text{ Trong đó:}$$

**Tc:** Dự toán tiền công của chức danh

**Lcs:** Lương cơ sở do Nhà nước quy định

**Snc:** Số ngày công của từng chức danh

**Hstcn:** Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày Hstcn = (Hcd x Hkh)/22
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	4,15	2,5	0,47
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	3,30	2,0	0,30
3	Thành viên	2,20	1,5	0,15
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1,90	1,2	0,10

b) Dự toán tiền công trực tiếp đối với kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại mục 1, 2, 3 nêu trong bảng Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở.

c) Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu:

- Thuê chuyên gia trong nước:

+ Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 20.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

+ Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

- Thuê chuyên gia ngoài nước:

+ Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quyết định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

+ Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

d) Chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu:

- Người chủ trì: 750.000 đồng/buổi hội thảo.
- Thư ký hội thảo: 250.000 đồng/buổi hội thảo.
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo.
- Thành viên tham gia hội thảo: 100.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

e) Chi họp hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nghịem thu cơ sở):

- Chi họp Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện:

- + Chủ tịch hội đồng: 400.000 đồng/nhiệm vụ;
- + Thành viên hội đồng: 250.000 đồng/nhiệm vụ;
- + Thư ký hành chính: 150.000 đồng/nhiệm vụ;
- + Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/nhiệm vụ.

- Chi nhận xét đánh giá:

- + Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng: 150.000 đồng/nhiệm vụ;
- + Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện: 200.000 đồng/nhiệm vụ.

đ) Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN: Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5,0% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

### 3. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN:

(Đơn vị tính: Nghìn đồng).

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức
<b>1</b>	<b>Chi về tư vấn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
a)	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN:	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng		750
-	Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký khoa học, Thành viên Hội đồng		500
-	Thư ký hành chính		200
-	Đại biểu được mời tham dự		150
b)	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
-	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		250
-	Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện		350
<b>2</b>	<b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400
-	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300
-	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200
-	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150
<b>3</b>	<b>Chi cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có đánh giá giữa kỳ)</b>		
a)	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch Hội đồng		400
-	Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký khoa học, Thành viên Hội đồng		200
-	Thư ký hành chính		150
-	Đại biểu được mời tham dự		100
b)	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
-	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		200

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức
-	Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện		350
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&amp;CN</b>		
a)	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		750
-	Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký khoa học, Thành viên Hội đồng		400
-	Thư ký hành chính		200
-	Đại biểu được mời tham dự		150
b)	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
-	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		400
-	Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện		700

**Điều 2.** Những nội dung khác còn lại không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành của nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
  - Bộ Tài chính, Bộ KH&CN;
  - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
  - TTTU, TT H&ND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQ tỉnh;
  - CPCT, CPVP;
  - Như Điều 3;
  - Ủy ban MTTQ, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
  - Báo VP, Đài PT-TH, Cổng TTGTĐT, Công báo tỉnh;
  - Website Chính phủ;
  - CV: NCTH;
  - Lưu: VT, VX3.
- (ĐHV- b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Trì**